

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2025

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Nơi cư trú: Ấp AĐ, xã ANĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp LP, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Vào năm 2015, chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau, trước khi cưới quen biết, tìm hiểu được hơn 06 tháng rồi mới tiến đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ANĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An vào ngày 05 tháng 9 năm

2016. Sau khi cưới thì cả hai đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chị và anh T từ giữa năm 2021 cho đến nay đã không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Thị Mai V, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Mai V, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 cho anh Nguyễn Văn T được nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu, nếu anh T có yêu cầu thì anh được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác; về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày không có, còn anh Nguyễn Văn T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn

của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị M thì cuộc sống của chị và anh T không còn hạnh phúc từ năm 2021 do phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chị và anh T từ giữa năm 2021 cho đến nay đã không còn sống chung với nhau. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị M và anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc M ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M thống nhất giao 02 con Nguyễn Thị Mai V, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị M và anh T không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có văn bản ghi ý kiến đề Tòa án xem xét, nếu anh T có yêu cầu thì anh được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Văn T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Mai V, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2016 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018.

2.2. Chị Nguyễn Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014730 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.ẤN, H.ĐH, T.Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng